

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 *(Tài liệu trình Kỳ họp thứ 3 - HĐND xã khoá I)*

Nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2025 xã Yết Kiêu sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, thực hiện theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp; Quyết định số 2999/QĐ- UBND ngày 25/7/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 xã Yết Kiêu.

Qua 6 tháng triển khai tổ chức thực hiện, tại kỳ họp thứ 3 HĐND xã khoá I, UBND xã Yết Kiêu báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 và nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025 với những nội dung cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

I. Thu ngân sách xã:

Tổng thu ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2025: 106.122,9 triệu đồng, đạt 67,3 % so với dự toán giao đầu năm, trong đó:

1. Các khoản thu NSX hưởng 100%: 667,3 triệu đồng, đạt 206,0 % so với dự giao đầu năm, bằng 140,2% so với cùng kỳ năm 2024.

- Phí, lệ phí, phí môn bài: 82,5 triệu đồng, đạt 80,1% so với dự toán giao đầu năm, bằng 92,7% so với cùng kỳ năm 2024.

- Thu từ quỹ đất công ích và HLCS: 551,5 triệu đồng, đạt 261,4% so với dự toán giao đầu năm, bằng 1.198,8% so với cùng kỳ năm 2024.

- Thu từ phạt, tịch thu khác: 3,3 triệu đồng.
- Thu khác: 30 triệu đồng, đạt 300% so với dự toán giao đầu năm, bằng 600% so với cùng kỳ năm 2024.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%): 6.510,9 triệu đồng, đạt 553,6% so với dự giao đầu năm, bằng 870,4% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Thuế GTGT): 610,5 triệu đồng đạt 142,0% so với dự toán giao đầu năm, bằng 228,6% so với cùng kỳ năm 2024.
- Thuế Thu nhập cá nhân: 313,3 triệu đồng đạt 145,0% so với dự toán giao đầu năm, bằng 235,5% so với cùng kỳ năm 2024.
- Lệ phí trước bạ: 236,9 triệu đồng đạt 103,0% so với dự toán giao đầu năm, bằng 128,0% so với cùng kỳ năm 2024.

- Thu chuyển quyền sử dụng đất: 5.350,3 triệu đồng;

3. Thu chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025: 757,5 triệu đồng.

4. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 98.187,2 triệu đồng, trong đó:

- Thu bổ sung cân đối: 64.484 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 33.703,2 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 01 kèm theo)

*** Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu 6 tháng đầu năm 2025:**

Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền; sự phối hợp đồng bộ chặt chẽ giữa các cấp, các ngành. Qua 6 tháng tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn cơ bản các chỉ tiêu thu đã hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch như: Thu từ quỹ đất công ích và HLCS đạt 261,4% dự toán giao; Thu khác đạt 300% dự toán giao; Thuế thu nhập cá nhân đạt 145% dự toán giao; Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 142% dự toán giao..., Bên cạnh các chỉ tiêu đạt được kết quả cao vẫn còn một số chỉ tiêu đạt tỷ lệ thấp so với dự toán giao như: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, do 6 tháng đầu năm Ủy ban nhân dân xã chưa phối hợp với cơ quan thuế tổ chức triển khai công tác thu, dự kiến triển khai thu trong Quý III/2025.

II. Chi ngân sách xã:

Tổng chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm: 100.345,5 triệu đồng đạt 63,7% so với dự giao đầu năm, trong đó:

1. Chi đầu tư, phát triển: 30.019,5 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Chi công trình thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng: 3.581 triệu đồng;
- Chi công trình thuộc lĩnh vực giáo dục: 10.199,5 triệu đồng;

- Chi công trình thuộc lĩnh vực y tế: 321,1 triệu đồng;
- Chi công trình thuộc lĩnh vực văn hóa, thôn tin: 664,1 triệu đồng;
- Chi công trình thuộc lĩnh vực thể dục, thể thao: 269,6 triệu đồng;
- Chi công trình thuộc lĩnh kinh tế như giao thông, thủy lợi: 1.900,3 triệu đồng;
- Chi công trình thuộc lĩnh vực quản lí nhà nước: 7.133,8 triệu đồng;
- Chi công trình thuộc lĩnh vực đảm bảo xã: 5.950,1 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên: 70.326,0 triệu đồng, đạt 44,6% so với dự toán giao đầu năm, trong đó:

- Chi Quốc phòng, an ninh trật tự: 2.271,6 triệu đồng, đạt 66,4 % so với dự toán giao đầu năm. (Trong đó: Quốc phòng: 1.156,7 triệu đồng, An ninh: 1.114,9 triệu đồng)

- Sự nghiệp giáo dục - Đào tạo: 50.804,8 triệu đồng, đạt 48,6 % so với dự toán giao đầu năm.

- Sự nghiệp y tế: 38,9 triệu đồng, đạt 14,8 % so với dự toán giao đầu năm .

- Sự nghiệp văn hóa thông tin: 135,1 triệu đồng, đạt 33,5 % so với dự toán giao đầu năm.

- Chi phát thanh, truyền thanh: 133,2 triệu đồng, đạt 31,9 % so với dự giao đầu năm.

- Chi thể dục, thể thao: 4 triệu đồng, đạt 1,8 % so với dự giao đầu năm.

- Chi Bảo vệ môi trường: 255,9 triệu đồng, đạt 9,7 % so với dự toán giao đầu năm.

- Chi các hoạt động kinh tế: 680,2 triệu đồng, đạt 24,8 % so với dự toán giao đầu năm.

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý NN, Đảng, đoàn thể: 11.462,7 triệu đồng, đạt 38,5% so với dự toán giao đầu năm.

- + Chi QLNN: 7.165,7 triệu đồng đạt 32,6 % so với dự giao đầu năm.

- + Chi khối Đảng: 1.854,7 triệu đồng đạt 53,9 % so với dự toán giao đầu năm.

- + Chi MTTQ và đoàn thể chính trị khác : 2.408,3 triệu đồng, đạt 56% so với dự toán giao đầu năm.

- + Chi hỗ trợ hội đặc thù: 34 triệu đồng, đạt 69,4 % so với dự toán giao đầu năm.

- Chi Đảm bảo xã hội: 4.519,9 triệu đồng, đạt 39,5% so với dự toán giao đầu năm.

- Chi khác 19,7 triệu đồng, đạt 19,3% so với dự toán giao đầu năm

(Chi tiết theo phụ lục 02 kèm theo)

*** Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi 6 tháng đầu năm:**

Công tác quản lý chi ngân sách qua 6 tháng đầu năm 2025 được các cấp, các ngành quan tâm thường xuyên, góp phần đảm bảo kinh phí hoạt động có hiệu quả trên tất cả lĩnh vực kinh tế - chính trị - xã hội, An ninh - Quốc phòng của xã; đáp ứng đầy đủ các chính sách về an sinh xã hội, góp phần ổn định tình hình chính trị, xã hội của địa phương.

Hầu hết các ngành, đoàn thể của xã đã nhận thức đầy đủ về chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm; làm tốt công tác kiểm soát, quản lý các khoản chi đảm bảo thực hiện đúng chế độ chính sách, đúng dự toán được duyệt. Tập trung bố trí thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ chi ưu tiên cho con người, chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ quan trọng cấp bách phát sinh. Cơ bản đáp ứng đủ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên của các ngành, đoàn thể tổ chức chính trị của địa phương.

Phần thứ hai

**NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG CÔNG TÁC THU, CHI
NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025**

I. Nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025

1. Về thu ngân sách xã

Thu ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2025 ước thực hiện: 97.527,1 triệu đồng. Trong đó các chỉ tiêu đạt như sau:

*** Các khoản thu NSX hưởng 100% ước đạt:** 159,1 triệu đồng. Trong đó:

- Thu phí và lệ phí ước đạt: 20,5 triệu đồng;
- Thu từ quỹ đất công ích và HLCS ước đạt: 118,6 triệu đồng;
- Thu khác ước đạt: 20 triệu đồng.

*** Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) ước đạt:** 5.776,0 triệu đồng. Trong đó:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Thuế GTGT): 240,0 triệu đồng;
- Thuế Thu nhập cá nhân: 136,0 triệu đồng;
- Lệ phí trước bạ nhà đất: 100,0 triệu đồng;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 300,0 triệu đồng;
- Thu tiền sử dụng: 5.000,0 triệu đồng.

*** Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên ước đạt:** 91.592,0 triệu đồng.

2. Về chi ngân sách xã

Chi ngân sách xã 6 tháng cuối năm ước thực hiện: 103.304,5 triệu đồng.
Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 5.507,8 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 97.796,7 triệu đồng, Chi tiết như sau:
 - + Chi Quốc phòng, an ninh trật tự: 1.552 triệu đồng;
 - + Sự nghiệp giáo dục: 53.774,8 triệu đồng;
 - + Sự nghiệp y tế: 223,1 triệu đồng;
 - + Sự nghiệp văn hóa, thông tin: 267,9 triệu đồng;
 - + Sự nghiệp truyền thanh: 284,8 triệu đồng;
 - + Chi thể dục, thể thao: 221,0 triệu đồng;
 - + Chi bảo vệ môi trường: 2.531,1 triệu đồng;
 - + Chi các hoạt động kinh tế: 2.066,8 triệu đồng;
 - + Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể: 23.441,3 triệu đồng;
 - + Chi Bảo trợ xã hội: 10.319,5 triệu đồng;
 - + Chi khác: 82,3 triệu đồng.
 - + Chi tiết kiệm chi 10% theo NQ 173/NQ- CP: 98,0 triệu đồng
 - + Chi Nguồn cải cách tiền lương: 1.321,2 triệu đồng
 - + Chi Dự phòng ngân sách xã: 1.613,0 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 02 kèm theo)

II. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025

1. Đối với công tác thu ngân sách

- Rà soát các chỉ tiêu thu đã thực hiện và nhiệm vụ còn lại của 06 tháng cuối năm để triển khai công tác thu có hiệu quả các nhiệm vụ thu còn lại; phấn đấu hoàn thành, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thu theo kế hoạch Thành phố giao.

- Đề đảm bảo hoàn thành kế hoạch thu ngân sách đã đề ra Ủy ban nhân dân, phòng chuyên môn xã tiếp tục đẩy nhanh công tác như: xử lý đất dôi dư, đất lấn chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất cho nhân dân khi có nhu cầu.

- Thực hiện thu đúng, thu đủ và kịp thời nộp các khoản thu vào tài khoản thu tại Kho bạc Nhà nước, phấn đấu hoàn thành kế hoạch thu ngân sách xã năm

2025. Khai thác các khoản thu như thu phí và lệ phí, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thu tiền hoa lợi công sản, thu khác ngân sách.

- Phối hợp với các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội trong việc tuyên truyền các chế độ chính sách liên quan đến công tác thu và giao nộp nghĩa vụ với Nhà nước.

2. Đối với công tác chi ngân sách

- Thực hiện tốt Luật Ngân sách nhà nước, chấp hành đúng chế độ, đúng dự toán, định mức chi theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát các khoản chi, thực hiện tốt các chế độ và nguyên tắc tài chính. Thực hiện, chấp hành tốt Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí, luật phòng chống tham nhũng và các luật khác có liên quan về công tác chi ngân sách.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 xã Yết Kiêu.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng uỷ xã;
- BTV Đảng uỷ xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- BCH Đảng uỷ xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Thu

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM
VÀ NHIỆM VỤ THU 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025***(Kèm theo Báo cáo số: 88 /BC- UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Yết Kiêu)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm	Ước thực hiện năm 2025	SO SÁNH		
						6 tháng đầu năm	Cả năm 2025	Cùng kỳ năm 2024
TỔNG THU		157.576,0	106.122,9	97.527,1	203.650,0	67,3%	129,2%	618,6%
I	Các khoản thu 100%	324,0	667,3	159,1	826,4	206,0%	255,1%	140,2%
1	Thu phí, lệ phí	103,0	82,5	20,5	103,0	80,1%	100,0%	92,7%
	Trong đó: Lệ phí môn bài	51,0	50,5	5,0	55,5	99,0%	108,8%	90,2%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	211,0	551,5	118,6	670,1	261,4%	317,6%	1198,9%
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp							
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		3,3		3,3			55,0%
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định							
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định							
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân							
8	Thu khác	10,0	30,0	20,0	50,0	300,0%	500,0%	600,0%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.176,0	6.510,9	5.776,0	12.286,9	553,6%	1044,8%	870,4%
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Thuế GTGT)	430,0	610,5	240,0	850,5	142,0%	197,8%	228,6%
2	Thuế thu nhập cá nhân	216,0	313,3	136,0	449,3	145,0%	208,0%	235,5%
3	Thuế bảo vệ môi trường			0,0	0,0			
4	Lệ phí trước bạ	230,0	236,9	100,0	336,9	103,0%	146,5%	128,0%
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			0,0	0,0			
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300,0		300,0	300,0		100,0%	
7	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			0,0	0,0			
8	Thu tiền sử dụng đất	0,0	5.350,3	5.000,0	10.350,3			3282,4%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	0,0						
IV	Thu chuyển nguồn		757,5		757,5			54,5%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	0,0						
VI	Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương							
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	156.076,0	98.187,2	91.592,0	189.779,2	62,9%	121,6%	675,3%
	- Thu bổ sung cân đối	156.076,0	64.484,0	91.592,0	156.076,0	41,3%	100,0%	639,5%
	- Thu bổ sung có mục tiêu		33.703,2		33.703,2			756,4%



TỈNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ NHIỆM VỤ CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số: **88** /BC- UBND ngày **20** tháng 8 năm 2025 của UBND xã Yết Kiêu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		DỰ TOÁN NĂM 2025			THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025			ƯỚC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025			ƯỚC HIỆN CẢ NĂM 2025			So sánh 06 tháng đầu năm (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
	TỔNG CHI	157.576,0	-	157.576,0	100.345,5	30.019,5	70.326,0	103.304,5	5.507,8	97.796,7	203.650,0	35.527,3	168.122,7	63,7%		44,6%
	<i>Trong đó:</i>															
1	Chi An ninh - Quốc phòng	3.421,0		3.421,0	5.852,6	3.581,0	2.271,6	1.552,0	-	1.552,0	7.404,6	3.581,0	3.823,6	171,1%		66,4%
1.1	Quốc phòng	1.029,0		1.029,0	1.156,7		1.156,7	61,7		61,7	1.218,4	-	1.218,4	112,4%		112,4%
1.2	An ninh	2.392,0		2.392,0	4.695,9	3.581,0	1.114,9	1.490,3		1.490,3	6.186,2	3.581,0	2.605,2	196,3%		46,6%
2	Chi giáo dục - Đào tạo	104.450,0	-	104.450,0	61.004,3	10.199,5	50.804,8	53.866,8	92,0	53.774,8	114.871,1	10.291,5	104.579,6	58,4%		48,6%
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				-			-			-	-	-			
4	Chi y tế	262,0		262,0	360,0	321,1	38,9	223,1		223,1	583,1	321,1	262,0	137,4%		14,8%
5	Chi văn hóa, thông tin	403,0		403,0	799,2	664,1	135,1	267,9		267,9	1.067,1	664,1	403,0	198,3%		33,5%
6	Chi phát thanh, truyền thanh	418,0		418,0	133,2	269,6	133,2	284,8		284,8	418,0	-	418,0	31,9%		31,9%
7	Chi thể dục thể thao	225,0		225,0	273,6	269,6	4,0	221,0		221,0	494,6	269,6	225,0	121,6%		1,8%
8	Chi bảo vệ môi trường	2.627,0		2.627,0	255,9		255,9	2.531,1		2.531,1	2.787,0	-	2.787,0	9,7%		9,7%
9	Chi các hoạt động kinh tế	2.747,0		2.747,0	2.580,5	1.900,3	680,2	7.066,8	5.000,0	2.066,8	9.647,3	6.900,3	2.747,0	93,9%		24,8%
9.1	Giao thông	1.119,0		1.119,0	1.142,1	1.075,5	66,6	6.052,4	5.000,0	1.052,4	7.194,5	6.075,5	1.119,0	102,1%		6,0%
9.2	Nông, lâm, thủy lợi	208,0		208,0	633,6	559,0	74,6	133,4		133,4	767,0	559,0	208,0	304,6%		35,9%
9.3	Kiến thiết thị chính				196,7		196,7	-		-	196,7	-	196,7			
9.4	Thương mại, dịch vụ				265,9	265,9		-		-	265,9	265,9	-			
9.5	Hoạt động kinh tế khác	1.420,0		1.420,0	342,3		342,3	1.616,7		1.616,7	1.959,0	-	1.959,0	24,1%		24,1%
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	29.767,0		29.767,0	18.596,5	7.133,8	11.462,7	23.441,3	-	23.441,3	42.037,8	7.133,8	34.904,0	62,5%		38,5%
10.1	Quản lý Nhà nước	21.976,0		21.976,0	14.299,5	7.133,8	7.165,7	19.347,3		19.347,3	33.646,8	7.133,8	26.513,0	65,1%		32,6%
10.2	Đảng cộng sản Việt Nam	3.442,0		3.442,0	1.854,7		1.854,7	2.187,3		2.187,3	4.042,0	-	4.042,0	53,9%		53,9%
10.3	Đoàn thể và các tổ chức chính trị	4.300,0		4.300,0	2.408,3		2.408,3	1.891,7		1.891,7	4.300,0	-	4.300,0	56,0%		56,0%
10.4	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị khác	49,0		49,0	34,0		34,0	15,0		15,0	49,0	-	49,0	69,4%		69,4%
11	Chi Đảm bảo xã hội	11.443,0		11.443,0	10.470,0	5.950,1	4.519,9	10.735,3	415,8	10.319,5	21.205,3	6.365,9	14.839,4	91,5%		39,5%
12	Chi khác	102,0		102,0	19,7		19,7	82,3		82,3	102,0	-	102,0	19,3%		19,3%
13	Tiết kiệm chi 10% theo NQ 173/NQ-CP	98,0		98,0	-			98,0		98,0	98,0	-	98,0	0,0%		0,0%
14	Chi chuyển nguồn				-			-		-	-	-	-			
15	Chi Cải cách tiền lương							1.321,2		1.321,2	1.321,2		1.321,2			
16	Chi dự phòng ngân sách	1.613,0		1.613,0	-			1.613,0		1.613,0	1.613,0	-	1.613,0			0,0%